

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Đề án
Xã hội hóa điện chiếu sáng hẻm, kiệt và các tuyến đường
thôn, xóm thị xã Quảng Trị giai đoạn 2022-2026**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thị xã Quảng Trị

Đề án “Xã hội hóa điện chiếu sáng hẻm, kiệt và các tuyến đường thôn, xóm thị xã Quảng Trị giai đoạn 2022-2026” được HĐND thị xã Quảng Trị thông qua tại Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 25/10/2021.

Năm 2022 là năm đầu thực hiện Đề án, kết quả đã tổ chức thi công hoàn thành 26/27 tuyến trên toàn thị xã, tổng kinh phí 1,452 tỷ đồng với 4,9km chiều dài chiếu sáng. Đề án được triển khai thực hiện nhận được sự đồng tình, ủng hộ cao của nhân dân trên địa bàn, đáp ứng nhu cầu chiếu sáng phục vụ giao thông đi lại, đảm bảo an ninh trật tự khu vực và tạo bộ mặt đô thị ngày càng khang trang khởi sắc. Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện Đề án, công tác khảo sát của UBND các phường, xã còn thiếu sót, nhiều tuyến hẻm, kiệt, đường thôn xóm người dân có nhu cầu thực hiện nhưng không được đưa vào Đề án; Mặt khác, một số tuyến hẻm kiệt đã được đưa vào Đề án nhưng chưa thực hiện được do người dân khó khăn về kinh phí, đi khỏi địa phương...

Trên cơ sở đề xuất của UBND các phường, xã, để tiếp tục thực hiện Đề án có hiệu quả, UBND thị xã kính trình HĐND thị xã xem xét, đồng ý cho điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Đề án “Xã hội hóa điện chiếu sáng hẻm, kiệt và các tuyến đường thôn, xóm thị xã Quảng Trị giai đoạn 2022-2026” như sau:

1. Điều chỉnh thời gian thực hiện đối với các tuyến đã có trong danh mục thực hiện Đề án trong năm 2023 như sau:

- Tổng số tuyến: 16 tuyến với chiều dài 3.540 m
- Thời gian đề nghị điều chỉnh: Năm 2025, 2026.

(Kèm theo danh sách)

2. Bổ sung các tuyến thực hiện Đề án “Xã hội hóa điện chiếu sáng hẻm, kiệt và các tuyến đường thôn, xóm thị xã Quảng Trị giai đoạn 2022-2026 như sau:

- Tổng số: 36 tuyến hẻm, kiệt, đường thôn, xóm với tổng chiều dài 7.580 km;

- Kinh phí đề nghị bổ sung: $7,58\text{km} \times 333.927.000\text{đ}/\text{km} = 2.531.167.000\text{đ}$
(Hai tỷ năm trăm ba mươi một triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn đồng). Trong đó:

+ Nhân dân đóng góp : $7,58\text{km} \times 65.599.000\text{đ}/\text{km} = 497.240.000\text{đ}$

+ Nhà nước hỗ trợ: $7,58\text{km} \times 268.328.000\text{đ}/\text{km} = 2.033.927.000\text{đ}$

(Kèm theo danh sách)

Kính đề nghị HĐND thị xã xem xét thông qua để tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các Phó CT UBND thị xã;
- Đại biểu HĐND thị xã;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Sơn

NG HỢP DANH
(*Kèm theo Tờ tr*

ẻm, kiệt, đường

[illegible]

4	Phục vụ nhu cầu sinh hoạt	Nhà văn hóa		66		1	1	
	Nhà văn hóa KP1							
5	Kiệt 220 Trần Hưng Đạo kéo dài	Nhà Bà Hoa		45	30	0	1	
6	Kiệt 170 Trần Hưng Đạo kéo dài	Nhà Ông Tương		45	20	0	1	
III	Phường 3			1.096	52	19	21	
1	Kiệt 165 - Trần Hưng Đạo	Trần Hưng Đạo	Phan Châu Trinh	80	7	1	1	
2	Kiệt 172 - Hai Bà Trưng	Hai Bà Trưng	Hộ bà Thê	77	5	2	2	
3	Kiệt 113 - Hai Bà Trưng	Hai Bà Trưng	Hộ ông Bình	82	3	2	2	
4	Kiệt 24 - Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Đình Chiểu	Hộ bà Thế	30	4	1	1	
5	Kiệt 25 - Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Đình Chiểu	Văn Thị Ty	54	3	1	1	
6	Kiệt 67 - Nguyễn Trãi	Nguyễn Trãi	Hộ bà Tịnh	425	8	5	5	
7	Kiệt 54 - Hai Bà Trưng	Hai Bà Trưng	Hộ bà Phừ	100	7	2	3	
8	Kiệt 66 - Hai Bà Trưng	Hai Bà Trưng	Hộ ông Hòa	30	1	1	1	
9	Kiệt 110 - Hai Bà Trưng	Hai Bà Trưng	Hộ ông Võ Nguyên	60	3	1	1	
10	Kiệt 67 - Ngô Thị Nhậm	Ngô Thị Nhậm	Hộ ông Hùng	30	4	1	1	
11	Kiệt 39 - Trần Hưng Đạo	Trần Hưng Đạo	Hộ bà Hưng	30	3		1	
12	Kiệt 110 - Trần Hưng Đạo	Trần Hưng Đạo	Thạch Hân	100	4	2	2	
IV	Phường An Đông			100	5	3	3	
1	Kiệt 71 Lê Duẩn	Đường Lê Duẩn		100	5	3	3	
V	Xã Hải Lệ			1.730	51	36	36	

1	Xóm nhà ông Tuấn	Nhà ô Tuấn	Nhà B Thiện	320	4	8	8	
2	Xóm nhà bà Lãm			80	2	2	2	
3	Xóm nhà văn hóa Tân Mỹ			650	20	13	13	
4	Xóm con Chợ			680	25	13	13	
5	Xóm cây mương kéo dài			200		5	5	
6	Đường từ nhà ông Ất đến nhà ông Hữu			1800		36	45	
7	Đường từ xóm Cây Thị đến Đầu Cồn			300		2	8	
8	Đường Như Lệ, Tân Lệ			680		17	17	
Tổng: 36 tuyến				7.580	273	138	170	

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC TUYẾN HẸM, KIỆT,
THỰC HIỆN NĂM 2023 ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH SANG CÁC NĂM 2025-2026
*(Kèm theo Tờ trình số **1631** /TTr-UBND ngày **09/12/2022** của UBND thị xã Quảng Trị)*

TT	Tên hẻm, kiệt, đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài tuyến (m)	Số hộ	Số cột cần lắp đặt	Số bóng	Ghi chú
I	Phường 1			280	27	2	6	
1	Kiệt 34 Nguyễn Hoàng	Ng Hoàng	Nhà ông Xuyên	90	8	0	2	
2	Kiệt 18 Nguyễn Hoàng	Ông Thắng	Ông Hòa	90	9	1	2	
3	Kiệt 43 Hai Bà Trưng	Hai Bà Trưng	Bà Thuyền	100	10	1	2	
III	Phường 3			740	60	10	16	
1	Kiệt 70 - Phan Châu Trinh	Phan Châu Trinh	Hộ ông Tuấn	80	10		3	khu phố 1
2	Kiệt 70 - Phan Châu Trinh	Phan Châu Trinh	Hộ ông Vinh	70	5		1	khu phố 2
3	Kiệt 31 - Nguyễn Trãi	Nguyễn Trãi	Hộ bà Tám	100	11	2	2	khu phố 4
4	Kiệt 44 - Hai Bà Trưng	Hai Bà Trưng	Hộ bà Nga	70	8	2	2	khu phố 4
5	Kiệt 10 - Ngô Thị Nhậm	Ngô Thị Nhậm	Hộ ông Đại	50	5	1	1	khu phố 6
6	Kiệt 02 - Ngô Thị Nhậm	Ngô Thị Nhậm	Hộ ông Tâm	40	3	1	1	khu phố 6
7 (chung tuyến)	Kiệt 44 - Lê Hồng Phong	Lê Hồng Phong	Hồ Xuân Hương	200	10	2	3	khu phố 7
	Kiệt 47 - Lê Hồng Phong	Lê Hồng Phong	Kiệt 37 - Lê Hồng Phong					khu phố 7
8	Kiệt 66 - Lê Hồng Phong	Lê Hồng Phong	Hộ ông Dũng	40	2	1	1	khu phố 7
9	Kiệt 12 - Nguyễn Bình Khiêm	Nguyễn Bình Khiêm	Hộ ông Kính	50	4	0	1	khu phố 8

10	Kiệt 98 - Nguyễn Trãi	Nguyễn Trãi	Hộ bà Hưng	40	2	1	1	khu phố 8
IV	Phường An Đôn			120	4	0	3	
1	Nhà ông Tự đến nhà ông Huỳnh	Nhà ông Tự	Nhà ông Huỳnh	120	4	0	3	
V	Xã Hải Lệ							
1	Đường NO1 thôn Như Lệ	Đường Nguyễn Hoàng	Đường liên thôn Như Lệ- Tân Lệ	1.950	120	43	53	
2	Đường xóm Chợ	Đường Nguyễn Hoàng	Đường NO1	450	30	3	12	
Tổng: 16 tuyến				3.540	241	58	90	

